

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2023/DS-PT
Ngày 12-7-2023
“V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu.

Ông Đặng Văn Những.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp L1, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Mỹ L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim X, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 31/5, đường Đ1, Phường 2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ đương sự cung cấp: Số 110, đường L2, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Kim X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2020 và khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 6 năm 2020, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2020 của nguyên đơn bà Trần Thị K và cùng những lời trình bày của người đại diện ủy quyền như sau:

Bà Trần Thị K (Hai Đ3) là hội viên tham gia góp 22 dây hội do bà Trần Thị Kim X làm chủ thảo. Bà K tham gia các dây hội như sau:

Dây thứ 01: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 15/3/2017 (âm lịch), hội mãn ngày 15/5/2018 (al), bà K tham gia 04 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 14 lần x 1.500.000 đồng x 4 = 84.000.000 đồng.

Dây thứ 02: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 15/3/2017 (al), hội mãn ngày 15/5/2018 (al), bà K tham gia 03 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 14 lần x 1.500.000 đồng x 3 = 63.000.000 đồng.

Dây hội 03: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 15/3/2017 (al), hội mãn ngày 15/5/2018 (al), bà K tham gia 04 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 14 lần x 1.500.000 đồng x 4 = 84.000.000 đồng.

Dây hội 04: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 15/3/2017 (al), hội mãn ngày 15/5/2018 (al), bà K tham gia 04 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 14 lần x 1.500.000 đồng x 4 = 84.000.000 đồng.

Dây hội 05: Hội 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 20/3/2017 (al), hội mãn ngày 20/5/2018 (al), bà K tham gia 03 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 14 lần x 3.800.000 đồng x 3 = 159.600.000 đồng.

Dây hội 06: Hội 5.000.000 đồng/tháng, gồm 17 phần, hội khai ngày 05/6/2017 (al), hội mãn ngày 05/9/2018 (al), bà K tham gia 04 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 11 lần x 3.800.000 đồng x 4 = 167.200.000 đồng.

Dây hội 07: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 05/6/2017 (al), hội mãn ngày 05/9/2018 (al), bà K tham gia 03 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 11 lần x 1.500.000 đồng x 3 = 49.500.000 đồng.

Dây hội 08: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 05/6/2017 (al), hội mãn ngày 05/9/2018 (al), bà K tham gia 03 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 11 lần x 1.500.000 đồng x 3 = 49.500.000 đồng.

Dây hội 08: Hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 05/6/2017 (al), hội mãn ngày 05/9/2018 (al), bà K tham gia 03 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 11 lần x 1.500.000 đồng x 3 = 49.500.000 đồng.

Dây hội 09: Hội 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hội khai ngày 15/7/2017 (al), hội mãn ngày 15/10/2018 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hót phần nào, bà X còn nợ 11 lần x 3.800.000 đồng x 2 = 68.400.000 đồng.

Dây hụi 10: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 20/7/2017 (al), hụi mãn ngày 10/10/2018 (al), bà K tham gia 04 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 09 lần x 1.500.000 đồng x 4 = 54.000.000 đồng.

Dây hụi 11: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 10/11/2017 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 05 lần x 3.800.000 đồng x 2 = 38.000.000 đồng.

Dây hụi 12: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 10/11/2017 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 05 lần x 3.800.000 đồng x 2 = 38.000.000 đồng.

Dây hụi 13: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 10/11/2017 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần bà K chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 05 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 15.000.000 đồng.

Dây hụi 14: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 10/11/2017 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 05 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 15.000.000 đồng.

Dây hụi 15: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 10/12/2017 (al), hụi mãn ngày 10/3/2018 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 04 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 12.000.000 đồng.

Dây hụi 16: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 10/01/2018 (al), hụi mãn ngày 10/4/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 9.000.000 đồng.

Dây hụi 17: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 15/01/2018 (al), hụi mãn ngày 15/04/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 9.000.000 đồng.

Dây hụi 18: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 15/01/2018 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 9.000.000 đồng.

Dây hụi 19: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 15/01/2018 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 9.000.000 đồng.

Dây hụi 20: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 15/01/2018 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 9.000.000 đồng.

Dây hụi 21: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 15/01/2018 (al), hụi mãn ngày 10/02/2019 (al), bà K tham gia 02 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 1.500.000 đồng x 2 = 9.000.000 đồng.

Dây hụi 22: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, hụi khai ngày 20/01/2017 (al), hụi mãn ngày 10/4/2019 (al), bà K tham gia 03 phần, chưa hốt phần nào, bà X còn nợ 03 lần x 3.800.000 đồng x 3 = 34.200.000 đồng.

Ngoài ra bà K còn mua hụi (giao trước toàn bộ các phần hụi sống 01 lần), cụ thể:

Ngày 25/6/2017 giao 02 dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây bà K giao 14 phần sống, 02 phần chết (mỗi phần sống đóng 3.800.000 đồng). Bà X còn nợ bà K $16 \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 02 = 160.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 25/6/2017 giao 01 dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi dây bà K giao 14 sống, 02 phần chết (mỗi phần sống đóng 1.500.000 đồng). Bà X còn nợ tới $16 \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 01 = 32.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng bà X còn nợ bà K là 1.609.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình tham gia hụi đóng hụi bà K không có làm giấy mà chỉ được bà X giao cho danh sách hụi viên nhưng không đầy đủ. Những lần hết cuối bà X đều không giao hụi và có những dây hụi bà K đóng dư, nhưng do không có chứng cứ hay giấy tờ chứng minh, bà X cũng không thừa nhận những lần bà K đóng dư và mua hụi. Sau khi bà X tuyên bố vỡ hụi, bà K nhiều lần yêu cầu bà X trả nợ nhưng bà X trốn tránh không trả nên thừa lên Công an huyện G và tại Biên bản ghi lời khai ngày 08/11/2018 bà X thừa nhận còn nợ hụi bà K là 1.132.600.000 đồng. Nên bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà X trả lại cho bà K số tiền nợ hụi là 1.132.600.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng từ ngày 08/11/2018 cho đến khi xét xử. Sau khi xem xét, đối chiếu tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà X trả 1.013.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 08/11/2018 cho đến khi xét xử.

- Bị đơn bà Trần Thị Kim X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 466, 471, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K đối với bà X.

Buộc bà X có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ hụi gốc 1.013.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười ba triệu đồng) và 421.762.550 đồng (bốn trăm hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng) tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 1.434.762.500 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải chịu số tiền 55.042.877 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Bà K không phải chịu án phí.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/7/2020 về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2020/QĐ-BPBD ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, bị đơn bà X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu trả lãi, hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hủy bản án giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà X có lời trình bày: Hiện nay hoàn cảnh của bà khó khăn nên xin miễn tính tiền lãi. Yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 220 và 382 vì bà X chỉ đứng tên giùm cho bà T4, trên đất có tài sản là nhà trọ của bà T4. Hiện nay giữa bà X và bà T4 đã thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận, bà T4 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để cấp lại các thửa đất số 220 và 382. Bà X và bà T4 không có mối quan hệ họ hàng hay thân thiết, do bà T4 có nợ xấu nên nhờ bà X đứng tên QSDĐ. Bà X không nhận được Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, hiện nay bà đang sinh sống tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, đăng ký hộ khẩu vào nhà của một người quen, không có bà con nhưng bà X hiện sinh sống ở nhà cha mẹ ruột (gần nhà bà X nhập hộ khẩu) nên yêu cầu chuyển hồ sơ về Tòa án huyện Chợ Gạo để giải quyết.

Nguyên đơn bà K do bà L đại diện ủy quyền có lời trình bày: Không đồng ý xin miễn tiền lãi. Không đồng ý yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tài sản do bà X đứng tên hợp pháp, trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất 220 và 382 là đúng quy định pháp luật nhưng sau đó bà X thỏa thuận trả lại cho bà T4 các thửa đất trên là vi phạm pháp luật. Hiện nay, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có văn bản đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để yêu cầu hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận trên. Đối với yêu

cầu chuyển thẩm quyền không đồng ý vì bà X cố tình né tránh, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nơi ở của bà X, Tòa án thành phố Mỹ Tho có mời bà X trong một vụ tranh chấp khác, cung cấp địa chỉ tại huyện Thạnh Hóa và bà X có mặt, sau khi Tòa án huyện Thạnh Hóa thụ lý vụ án thì bà X chuyển hộ khẩu về huyện Chợ Gạo là cố tình gây khó khăn, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, 276 Bộ luật tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo về thẩm quyền Tòa án giải quyết: Bà X cho rằng không có hộ khẩu tại huyện Thạnh Hóa trong suốt quá trình giải quyết vụ án làm thiệt hại đến quyền lợi của bà. Xét thấy ngày 22/6/2020 bà K nộp đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa thụ lý số 102/2020 ngày 02/7/2020. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh được nơi cư trú của bà X tại ấp Đ3 xã L3, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã ra Quyết định chuyển vụ án số 02/2020/QĐST-CV ngày 03/11/2020 chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giải quyết theo đúng thẩm quyền. Đến ngày 14/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có quyết định chuyển vụ án số 03/2021/QĐ-TA để chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An với căn cứ tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thì bà X có địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Long An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án khác. Ngày 15/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa thụ lý lại hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh nhiều lần, nhiều địa phương để tìm địa chỉ của bà X nhưng không có kết quả. Đồng thời nguyên đơn đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù ngày 31/12/2022 bà X có đơn khiếu nại gửi Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa cung cấp sổ hộ khẩu để chứng minh việc bà đã nhập hộ khẩu và sinh sống tại địa chỉ: Ấp T4, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/12/2020 nhưng việc nhập hộ khẩu này là sau khi Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa thụ lý vụ án lần đầu. Như vậy có căn cứ bà X thường xuyên thay đổi nơi ở nếu chuyển vụ án về Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thì sẽ gây khó khăn đối với việc giải quyết vụ án. Nên căn cứ vào điểm e Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp.

Đối với số tiền lãi: Bà X xin giảm tiền lãi nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà X phần này.

Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Theo đơn yêu cầu của bà K, Ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/7/2020, phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ, đối với thửa đất số 220 tọa lạc tại Khu phố 4, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đất ở đô thị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 0268 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà X ngày 04/5/2015; thửa đất 382 tọa lạc tại Khu phố 4, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, đất ở đô thị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01933 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà X ngày 02/12/2014. Hai thửa đất 220, 382 trước đây có tranh chấp giữa bà Trịnh Kim T4, bà X được Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết số 425/2022/TLST-DS ngày 29/11/2022. Bà T4 trình bày do bị nợ xấu không vay Ngân hàng được nên có nhờ bà X đứng tên giùm 02 thửa đất 220, 382 để vay Ngân hàng chứ không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà X. Ngày 16/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo ra quyết định số 485/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 về việc công nhận sự thỏa thuận giữa bà T4 và bà X về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà T4 và bà X đối với thửa đất số 220, 382, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T4 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T4 nhưng không đưa bà T4 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa giải quyết toàn diện vụ án, không đảm bảo về tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T4.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà X. Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà X trong vụ án làm trong hạn luật định nên Kng cáo hợp lệ. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo thấy rằng:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu chuyển vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh được nơi cư trú của bà X tại ấp Đ3, xã L3, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An đã ra Quyết định chuyển toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giải quyết theo đúng thẩm quyền. Đến ngày 14/5/2021 Tòa án nhân dân huyện

Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang có quyết định chuyển vụ án số 03/2021/QĐ-TA để chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An với căn cứ tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thì bà X có địa chỉ tại khu phố 2, thị trấn T3, huyện T3, tỉnh Long An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án khác. Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tổng đạt được cho bà X thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại địa chỉ trên và ngày 26/4/2021 bà X có mặt để tham dự phiên họp theo thông báo của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho. Ngày 15/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa thụ lý lại hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh nhiều lần, nhiều địa phương để tìm địa chỉ của bà X nhưng không có kết quả. Đồng thời, đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 31/12/2022 bà X có đơn khiếu nại gửi Chánh án Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa cung cấp sổ hộ khẩu để chứng minh việc bà đã nhập hộ khẩu và sinh sống tại địa chỉ Ấp T4, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 09/12/2020 nhưng việc nhập hộ khẩu là sau khi Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa thụ lý vụ án. Như vậy, có căn cứ bà X thường xuyên thay đổi nơi ở nếu chuyển vụ án về Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thì sẽ gây khó khăn đối với việc giải quyết vụ án. Nên căn cứ vào điểm e, Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP TANDTC, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án này. Vì vậy, bà X Kng cáo yêu cầu chuyển vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Năm 2017 và năm 2018 bà K tham gia hội do bà X làm chủ thảo, bà K tham gia 22 dãy hội và hội chưa mãn nhưng vào ngày 01/9/2018 bà X tuyên bố bãi hội nên bà K có đơn gửi đến Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang và Công an đã mời bà X làm việc. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/11/2018 bà X thừa nhận còn nợ tiền hội bà K là 1.132.600.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà K, bà X thống nhất nợ số tiền hội bà K là 1.013.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà K xác định yêu cầu tính lãi chậm trả mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 08/11/2018 (ngày thừa nhận nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Mức lãi suất theo quy định pháp luật hiện nay là 10%/năm (0,83%/tháng), thời gian tính lãi từ ngày 08/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/01/2023 là 50 tháng 05 ngày. Tổng cộng nợ tiền gốc và tiền lãi là 1.434.762.550 đồng. Từ những chứng cứ trên, cấp sơ thẩm buộc bà X có nghĩa vụ trả tiền hội còn nợ và tiền lãi chậm trả cho bà K theo quy định tại Điều 357 và 471 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ. Bà X xin miễn tiền lãi nhưng bà K không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa: Tại phiên tòa ngày 09/01/2023 người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Kim T4 là bà Nguyễn Thị Huỳnh N yêu cầu được tham gia tố tụng với tư cách là

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và có yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/7/2020 về việc phong tỏa thửa đất số 220 và 382 vì bà X và bà T4 đã thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, bà T4 được kê khai đứng tên 02 thửa đất trên nhưng cấp sơ thẩm không đồng ý vì Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc Tòa án ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các bên là sau khi Tòa án ban hành quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X trình bày, hai thửa đất trên do bà T4 nợ xấu nên để cho bà X đứng tên giùm để vay tiền Ngân hàng. Bà X cung cấp Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 485/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang để chứng minh vấn đề trên. Cấp sơ thẩm không đưa bà T4 tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đảm bảo quyền lợi của bà T4. Mặc khác, cùng một thửa đất 220 và 382 vừa được công nhận tại Quyết định công nhận số 485/2022/QĐST-DS ngày 16/12/2022 mà vừa bị ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 22/7/2020 thì sẽ dẫn đến cả Quyết định và Bản án không thi hành được.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà X. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà X không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Kim X.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

Giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án thụ lý lại giải quyết theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim X không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Kim X đã nộp theo biên lai thu số 0008924 ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền